

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN THÀNH
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2023/DSST
Ngày: 11/4/2023.
V/v: Tranh chấp HĐ vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ THUẬN THÀNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Dũng;

Bà Vũ Thị Lan Anh

- Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Hoa.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân **thị xã Thuận Thành** tham gia phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 11/4/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân **thị xã Thuận Thành** xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2022/TLST - DS ngày 07 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐST- DS ngày 13 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Ngô Tiến D, sinh năm 1970.

HKTT: Thôn Nghi A, xã Trạm L, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

(Có mặt)

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Phố K, xã Gia Đ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

(Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972.

HKTT: Thôn Nghi An, xã Trạm Lộ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của các đương sự tại Toà án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn là ông Ngô Tiến D trình bày: Gia đình ông và chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1981 (có chồng tên là Hương) ở phố Khám, xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh có mối quan hệ quen biết với nhau từ trước.

Ngày 20/8/2018 (ÂL) chị T có hỏi vay vợ chồng ông số tiền 270 triệu đồng và vợ chồng ông đã đồng ý. Khi vay chị T có viết giấy vay tiền với nội

dung vay của vợ chồng ông số tiền 270 triệu đồng, lãi suất 1%/ 1 tháng và khi nào vợ chồng ông cần thì báo trước cho chị T 01 tháng chị T sẽ trả.

Từ khi vợ chồng ông cho chị T vay số tiền này. Đến ngày 20/8/2019 (ÂL), chị T trả vợ chồng ông được 20 triệu tiền gốc và 06 triệu đồng tiền lãi. (Số tiền lãi 01 năm chị T tính là 32.400.000 đồng, chị T trả 06 triệu như vậy chị T còn nợ lại tiền lãi là 26.400.000 đồng). Khi trả số tiền gốc và lãi này, chị T có viết vào Giấy vay tiền ngày 20/8/2018 và có hẹn trong tháng sẽ trả đủ tiền lãi trong tháng 8 âm lịch. Còn số tiền gốc khi nào vợ chồng ông cần thì báo trước cho chị T 01 tháng chị T sẽ trả.

Sau đó ông đã rất nhiều lần yên cầu chị T phải trả số tiền gốc và lãi mà chị T còn nợ nhưng chị T khất lần không trả. Đến ngày 30/3/2022 (ÂL) chị T có viết giấy hẹn đến tháng 6 (ÂL) sẽ trả vợ chồng ông 30 triệu đồng và đến cuối năm trả 70 triệu, số tiền còn lại sang năm chị T sẽ trả ông. Tuy nhiên chị T đã không thực hiện đúng như cam kết nên ông có đơn khởi kiện chị T.

Ngày 07/11/2022, Tòa án đã thụ lý vụ án. Trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án, thì ngày 18/8/2022 (ÂL) chị T đã trả ông được số tiền gốc là 30 triệu đồng vì vậy đến nay chị T còn nợ ông số tiền gốc là 220 triệu đồng.

Nay ông đề nghị Tòa án buộc chị T phải trả vợ chồng ông các khoản tiền sau số tiền gốc còn lại là **220 triệu và số tiền lãi, cụ thể:**

+ Tiền lãi còn nợ của năm đầu tiên chị T vay từ 20/8/2018 (ÂL) đến ngày 20/8/2019 (ÂL) là **26.400.0000** đồng.

+ Tiền lãi của số tiền gốc 250 triệu tính từ ngày 21/8/2019 (ÂL) đến ngày 17/8/2022 (ÂL) (tức ngày 13/9/2022 dương lịch) là 35 tháng 24 ngày với mức lãi suất 1%/ 1 tháng tương ứng với số tiền **89.500.000** đồng.

+ Tiền lãi của số tiền gốc 220 triệu tính từ ngày 14/9/2022 đến ngày 28/3/2023 là 06 tháng 15 ngày với mức lãi suất 1%/ 1 tháng tương ứng với số tiền **14.300.000** đồng.

Tổng số tiền lãi là: 130.273.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi ông yêu cầu chị T phải trả vợ chồng ông tính đến ngày 31/3/2023 là 350.200.000 đồng.

Ngoài ra, ông D xác nhận vợ chồng ông chỉ cho một mình chị T vay số tiền này chứ không liên quan gì đến chồng chị T vì vậy ông chỉ yêu cầu một mình chị T phải có trách nhiệm trả vợ chồng ông số tiền này.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Do có mối quan hệ quen biết với vợ chồng ông Ngô Tiến D và bà Nguyễn thị H nên trong năm 2018 chị đã nhiều lần vay tiền của vợ chồng ông D để làm ăn. Đến ngày 20/8/2018 chị góp nhiều giấy vay nợ và chị viết thành 01 Giấy vay tiền với tổng số tiền vay là 270 triệu đồng và chị thỏa thuận với vợ chồng ông D là chị trả lãi

suất 1%/ 1 tháng, đối với số tiền gốc khi nào cần báo trước cho chị 01 tháng chị sẽ trả. Chị xác nhận sau khi vay tiền của vợ chồng ông D đến nay chị đã trả được tổng số tiền gốc là 50 triệu đồng và 06 triệu đồng tiền lãi như ông D trình bày là đúng.

Tại Biên bản hòa giải ngày 04/01/2022, chị T xác nhận chị còn nợ vợ chồng ông D số tiền gốc là 220 triệu đồng và tổng số tiền lãi là 118.900.000 đồng. Tuy nhiên do hiện nay chị đang gặp khó khăn nên chị đề nghị trả dần số tiền gốc từ 17/01/2023 đến 17/7/2023. Đối với số tiền lãi thì chị xin vợ chồng ông D.

Phía người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H (là vợ của ông Ngô Tiến D) hoàn toàn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông D và bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để các bên thỏa thuận với nhau nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay:

+ Chị Nguyễn Thị Thanh T đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; Bà Nguyễn Thị H có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt chị T, bà H theo quy định của pháp luật.

+ Ông Ngô Tiến D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc chị T phải trả vợ chồng ông tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 28/3/2023 là 350.200.000 đồng (trong đó tiền gốc là 220.000.000 đồng, tổng số tiền lãi là: 130.200.000 đồng)

+ Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng còn bị đơn chưa đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 26, 147, 227, 235, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Tiến D.

Buộc chị Nguyễn Thị Thanh T phải trả ông Ngô Tiến D, bà Nguyễn Thị H tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 31/3/2023 là 350.200.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu bên phải thi hành án không tự giác chấp hành thì còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi nghe ý kiến đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Giấy vay tiền ngày 20/8/2018 (ÂL) giữa chị Nguyễn Thị Thanh T với ông Ngô Tiến D, bà Nguyễn Thị H là Hợp đồng vay tài sản hợp pháp, khi ký kết các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Trong Giấy vay tiền thể hiện số tiền chị T vay của ông D, bà H là 270.000.000 đồng với mức lãi suất 1%/ 1 tháng, thời hạn vay không kỳ hạn nhưng khi nào cần báo trước 1 tháng. Xét thấy đây là Hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn và có lãi. Việc ông D đã nhiều lần yêu cầu chị T phải trả nợ nhưng chị T không trả nợ theo yêu cầu của ông D, bà H là vi phạm hợp đồng.

[2] Xét yêu cầu của ông D đề nghị Tòa án buộc chị T phải trả số tiền gốc là 220 triệu đồng và số tiền lãi tính đến ngày 28/3/2023 là 130.200.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với số tiền gốc: Cả phía ông D và chị T đều xác nhận sau khi ông D cho chị T vay số tiền 270 triệu đồng đến ngày 18/8/2022 ÂL (tức ngày 13/9/2022 DL) chị T đã trả ông D được tổng số 50 triệu đồng tiền gốc (Cụ thể: Ngày 28/8/2018 (ÂL) chị T trả 20 triệu đồng và ngày 18/8/2022 ÂL chị T trả 30 triệu đồng). Phía chị T đồng ý trả ông D số tiền này tuy nhiên do hiện nay chị đang khó khăn nên chị đề nghị được trả dần, phía ông D không đồng ý. Do vậy cần căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự để buộc chị T phải trả vợ chồng ông D số tiền gốc 220 triệu đồng.

Đối với số tiền lãi:

Về mức lãi suất: Khi ông D cho chị T vay số tiền 270 triệu đồng, chị T thỏa thuận trả ông D mức lãi suất là 1%/ 1tháng và phía ông D cũng đồng ý. Như vậy mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

Về thời gian tính số tiền lãi:

+ Tiền lãi năm đầu tiên chị T vay (từ 20/8/2018 ÂL đến ngày 20/8/2019 ÂL) của số tiền 270.000.000 đồng là: $270.000.000 \text{ đồng} \times 1\% / 1 \text{ tháng} \times 12 \text{ tháng} = 32.400.000 \text{ đồng}$. Ông D xác nhận chị T đã trả được 6.000.000 đồng. Như vậy chị T còn nợ 26.400.0000 đồng. Số tiền lãi này, hai bên đều đã xác nhận nên cần chấp nhận yêu cầu của ông D buộc chị T phải trả số tiền này.

Ngày 20/8/2019 (ÂL) chị T trả được 20.000.000 đồng tiền gốc và ngày 18/8/2022 (ÂL) chị T trả được 30.000.000 đồng tiền gốc. Như vậy số tiền lãi chị T phải trả ông D tại từng thời điểm nêu trên gồm:

+ Số tiền lãi của số tiền gốc 250.000.000 đồng tính từ ngày 21/8/2019 (ÂL) đến ngày 17/8/2022 (ÂL) là: 250.000.000 đồng x 1%/ 1 tháng x 35 tháng 24 ngày = 89.500.000 đồng

+ Số tiền lãi của số tiền gốc 220.000.000 đồng tính từ ngày 18/8/2022 (ÂL) tức ngày 13/9/2022 (DL) đến ngày 28/3/2023 (DL) là: 220.000.000 đồng x 1%/ 1 tháng x 6 tháng 15 ngày = 14.300.000 đồng

Như vậy ông D đề nghị Tòa án buộc chị T tổng số tiền lãi tính đến ngày 28/3/2023 là 130.200.000 đồng là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả ông Ngô Tiếp D số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Thành.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 26, 147, 227, 235, 264 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Tiến D.

Buộc chị Nguyễn Thị Thanh T phải trả ông Ngô Tiến D, bà Nguyễn Thị H số tiền gốc là 220.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 28/3/2023 là 130.200.000 đồng. Tổng số là 350.200.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu bên phải thi hành án không tự giác chấp hành thì còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 17.510.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm mười nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Ngô Tiến D 9.220.000 đồng(Chín triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0005725 ngày 07/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Thành.

3. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND thị xã Thuận Thành;
- THADS thị xã Thuận Thành;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Minh Thu